

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Phạm Văn Trung**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Quang Điện**.

Ông **Đỗ Trọng Thực**.

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Đào Quang Dích**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà: Bà **Phạm Thị Phụng** - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2020 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện V - tỉnh H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2020/HSST ngày 09/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2020 đối với các Bị cáo:

1. T, Sinh năm: 1980; Nơi ĐKKHKT: thôn H, xã M, huyện V, tỉnh H; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: T, ông T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương năm 1999 và bà: L; Anh, chị em ruột có 3 người: bị cáo là lớn nhất; Vợ: H (Đã ly hôn); Vợ: D; Con: Có 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; - Nhân thân: Ngày 17/01/2000 bị UBND tỉnh H áp dụng biện pháp đưa đi cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng; Ngày 07/8/2003 bị Công an huyện M xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích; Ngày 17/8/2011 bị UBND huyện V áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 12 tháng. T bị bắt tạm giam từ ngày 06/5/2020, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

2. S, Sinh năm: 1988; Nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh H; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: A và bà: C; Anh, chị em ruột có 3 người: bị cáo là thứ 3; Vợ: L (Đã ly hôn); Con: Có 01 con, sinh năm 2013; Tiền án: Ngày 26/8/2008 bị TAND huyện V xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (phạt bổ sung 5.000.000đ, bồi thường 5.050.000đ, truy thu sung công 7.760.000đ, án phí 200.000đ, chưa thi hành khoản nào). Ra trại ngày 08/10/2010. Nhân thân: Ngày 29/9/2005 bị TAND huyện V xử phạt 01 năm 03 tháng CTKGG về tội Trộm cắp tài sản; Tiền sự: Không; Sáng bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2020, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

3. Đ, Sinh năm: 1986; Nơi ĐKHKT: thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh H; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Th và : T; Anh, chị em ruột có 6 người: bị can là thứ 6; Vợ: N; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án: Ngày 26/8/2008 bị TAND huyện V xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 08/5/2012 bị TAND huyện V xử phạt 04 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ra trại ngày 04/12/2015. Nhân thân: Ngày 20/01/2005 bị Tòa án huyện V xử phạt 12 tháng CTKGG về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 29/9/2005 bị TAND huyện V xử phạt 8 tháng tù giam, tổng hợp với bản án trước buộc phải thi hành 10 tháng 22 ngày tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Đ bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2020, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại :** Anh H, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: thôn H, xã M, huyện V, tỉnh H.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh S, sinh năm 2004 (có mặt);

2. Chị D, sinh năm 1984 (có mặt);

Đều có địa chỉ: thôn H, xã M, huyện V, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T ở thôn H, xã M, huyện V, tỉnh H có trang trại chăn nuôi vịt tại cánh đồng của thôn H, xã M. Chiều ngày 07/4/2020 khi đi qua nhà hàng H cũng thuộc địa bàn thôn H thì thấy gia đình anh H ở cùng thôn có để nhiều bao cám nhãn hiệu Bắc Mỹ, loại dùng cho ngan vịt ăn, mỗi bao có trọng lượng 25kg ở khu vực bãi đất trống trong khuôn viên của nhà hàng nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số cám trên. Đến khoảng 00 giờ ngày 08/4/2020, T dùng điện thoại di động của mình nhãn hiệu Nokia màu đen gọi điện cho S ở thôn Đ, xã C, huyện V và nói: “*Tao biết có chỗ để cám ở rìa đường ngon lắm, nếu chú lấy được thì anh mua 150.000đ/1 bao*”. S hiểu ý T nói vậy là xúi giục mình đi trộm cắp tài sản và T sẽ mua lại tài sản trộm cắp nên đã đồng ý và nói: “*Em không có xe máy*”. T nói: “*Đến anh đưa cho mượn*”, thì S bảo em không có xe để đi đến nhà anh, T liền bảo S đi bộ ra đầu làng, T sẽ đưa xe cho. Sau khi nghe điện thoại xong, S kể lại sự việc cho Đ là bạn ở cùng thôn lúc đó đang ở nhà S và rủ Đ cùng đi trộm cắp cám, thì Đ đồng ý. Khoảng 20 phút sau, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen biển số 28S2-48.. đi từ nhà T ở thôn H, xã M đến thôn Đ, xã C thì gặp S đang đi bộ ở đường thì T bảo S lên xe đi. Trên đường chở S về nhà T, khi đi qua nhà hàng H tại trục đường 380 thuộc địa phận thôn H, T đã dừng xe lại chỉ chỗ để cám cho S biết, rồi chở S về nhà T để S lấy xe mô tô quay trở lại thực hiện việc lấy tài sản. S bảo T ứng trước cho S số tiền 200.000đ thì T đồng ý. S điều khiển xe mô tô biển số 28S2-48... về nhà của mình đón Đ cùng đi. S biết nhà ông Th ở thôn Đ, xã C có xe ba gác tự chế hay để ở ngoài đường nên S bảo Đ đi đến nhà ông Th mượn xe cải tiến để đi chở cám cho được nhiều thì Đ đồng ý. Sau đó Đ điều khiển xe mô tô nói trên chở S ngồi phía sau đến nhà

ông Th, thấy mọi người đã đi ngủ, S gọi điện thì vợ ông Th là bà T nghe máy, S hỏi mượn chiếc xe ba gác tự chế để ở ngoài đường thì bà T đồng ý. Sau đó Đ điều khiển xe mô tô chở S ngồi sau kéo xe ba gác tự chế đến nhà T, gặp T đang ở cổng, cả hai để xe ba gác lại, rồi Đ điều khiển xe mô tô chở S đến nhà hàng H. Khi đến nơi, Đ dừng xe phía ngoài đường cạnh giới, còn S đi bộ vào vị trí để các bao cám, S lật chiếc bạt đậy phía trên ra bê 01 bao cám để lên khung xe mô tô, rồi quay vào bê tiếp 01 bao cám khác đặt lên yên xe. Đ điều khiển xe mô tô chở S ngồi phía sau giữ 02 bao cám nói trên đi về nhà T. Về đến cổng, S gọi điện cho T bảo ra nhận cám thì T đi ra cổng bê 02 bao cám cất vào hiên nhà. Lần thứ 2, Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô chở S quay lại nhà hàng H, S vào lấy 04 bao cám đặt lên xe mô tô rồi cả hai chở về nhà T. Lần thứ 3, Đ điều khiển xe mô tô chở S ngồi sau kéo theo xe cải tiến tự chế đến nhà hàng H. Khi đến nơi, Đ tắt chìa khóa điện để xe mô tô ở ngoài rồi cùng S kéo xe cải tiến vào gần nơi để cám. Cả hai bốc và xếp lên xe được 14 bao cám, sau đó Đ điều khiển xe mô tô chở S ngồi sau kéo xe cải tiến về nhà T, rồi để xe cải tiến lại cho T bê cám cất vào hiên nhà. Ngay sau đó, S và Đ tiếp tục đi xe mô tô quay trở lại nhà hàng H lấy 03 bao cám chở về nhà T. Tổng cộng 04 lần S và Đ đã lấy được 23 bao cám và T đã trả cho S số tiền 3.000.000đ cùng với 200.000đ ứng trước, tổng là 3.200.000đ. S cầm tiền chia cho Đ 1.300.000đ rồi điều khiển xe mô tô biển số 28S2-48.. chở Đ về nhà. Khoảng 4 giờ sáng ngày 08/4/2020, T dùng xe cải tiến chở 12 bao cám ra cánh đồng thôn H cho vịt ăn, còn lại 11 bao cám vẫn để ở hiên nhà của mình. Đến khoảng 6 giờ cùng ngày 08/4/2020, T đến nhà S lấy xe mô tô, còn S đến nhà T lấy xe cải tiến để trả ông Th.

Sáng ngày 08/4/2020, anh H phát hiện số cám để tại khuôn viên của nhà hàng H bị mất, nên đã kiểm tra thì thấy số cám bị mất là 29 bao nên đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan CSĐT- Công an huyện V. Cơ quan điều tra đã thu giữ tại hiên nhà T 11 bao cám B, vỏ bao màu hồng, do công ty Đ sản xuất, trọng lượng mỗi bao 25kg chưa sử dụng và 06 vỏ bao cám khác, còn lại 06 vỏ bao cám T tự khai cho vịt ăn để vỏ bao ở rìa đường không biết ai lấy.

Ngày 10/4/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã yêu cầu định giá tài sản đối với tài sản nói trên. Ngày 22/4/2020 Hội đồng định giá tài sản huyện V đã tiến hành định giá và kết luận: 29 bao cám trọng lượng mỗi bao 25kg, loại thức ăn cho vịt, ngan trên bao bì ký hiệu “Bắc Mỹ” do Công ty cổ phần cám Đ sản xuất bị chiếm đoạt vào ngày 08/4/2020 có giá trị là 207.000đ/1 bao, tổng 29 bao có giá trị là: 6.003.000đ.

Ngày 14/4/2020 ông Th tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Salut, xe không có yếm, không có gương chiếu hậu gắn với 01 xe ba gác tự chế có hai bánh. Ngày 22/4/2020 S và Đ đã đến Cơ quan CSĐT- Công an huyện V đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra đã dẫn giải S và Đ đến nơi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như nêu ở trên. Còn T bị bắt theo lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan CSĐT- Công an huyện V. Khi bắt T, Cơ quan điều tra có thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 08659.....

Cơ quan điều tra cũng đã làm rõ chiếc xe mô tô biển số 28S2-48.. được xác định là của T mua cho con trai là anh S, việc T đưa chiếc xe trên cho S sử dụng vào mục đích phạm tội anh S hoàn toàn không biết. Quá trình sử dụng xe anh S đã đề đăng ký xe ở

quán Internet 3G thuộc thôn T, xã M. Ngày 27/4/2020 anh S tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nói trên cho cơ quan điều tra để phục vụ điều tra vụ án. Ngày 28/4/2020 anh Tr là chủ quán Internet 3G đã giao nộp cho cơ quan điều tra 01 đăng ký xe mô tô biển số 28S2-48... Còn chiếc điện thoại di động của S dùng để liên lạc với T, S tự khai đã bị mất nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Quá trình điều tra xác định: Việc S sử dụng chiếc xe ba gác tự chế vào mục đích phạm tội ông Th hoàn toàn không biết. Ngày 29/4/2020 Cơ quan CSĐT- Công an huyện V đã trả lại ông Th 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Salut, xe không có yếm, không có gương chiếu hậu gắn với 01 xe ba gác tự chế, ông Th đã nhận lại tài sản không yêu cầu đề nghị gì. Trả lại anh H 11 bao cám, anh H đã nhận lại tài sản và yêu cầu bồi thường 18 bao cám không thu hồi được. Tuy nhiên T, S và Đ đồng ý bồi thường 12 bao cám vì chỉ thừa nhận trộm cắp 23 bao cám không phải 29 bao cám, nhưng hiện nay vẫn chưa bồi thường.

Bị cáo T, S, Đ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu ở trên.

Cáo trạng số 43/CT - VKS, ngày 08/7/2020 của VKSND huyện V truy tố các bị cáo T, S về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Đ về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo T, S và Đ đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, ngoài ra bị cáo T còn tác động với vợ là chị D bồi thường thiệt hại cho anh H số tiền 2.500.000đ tương đương với 12 bao cám và tự nguyện không yêu cầu các bị cáo S và Đ cùng liên đới bồi thường.

Bị hại anh H có ý kiến: Về hình phạt anh đề nghị HĐXX xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật; Về trách nhiệm dân sự anh nhất trí bị cáo T bồi thường cho anh số tiền 2.500.000đ tương đương với 12 bao cám bị thiệt hại và anh H tự nguyện không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị D có ý kiến: Chị là vợ bị cáo T, sau khi bị cáo T bị tạm giam về hành vi Trộm cắp tài sản, chị có đến thăm được bị cáo tác động, nói với chị về nhà lấy tiền bồi thường thiệt hại tài sản cho anh H và chị đã thực hiện theo ý kiến của bị cáo nên ngày 03/8/2020 chị đã nộp số tiền 2.500.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự để bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo, đối với số tiền này là tiền của gia đình nên chị không yêu cầu HĐXX xem xét giải quyết.

Anh S có ý kiến: Anh là con của bị cáo T, vào khoảng tháng 3/2020 bị cáo T có mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen biển số 28S2-48.. số tiền mua xe là của bị cáo T bỏ ra, anh chỉ được cho mượn sử dụng không phải là chủ sở hữu xe. Việc bị cáo T sử dụng chiếc xe vào mục đích Trộm cắp tài sản anh không biết tuy nhiên anh S đề nghị HĐXX cho anh xin lại chiếc xe mô tô để sử dụng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát huyện V đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử các bị cáo T, S và Đ phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo S.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ.

Xử phạt bị cáo T từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 06/5/2020.

Xử phạt bị cáo S từ 1 năm 6 tháng đến 1 năm 9 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 22/4/2020.

Xử phạt bị cáo Đ từ 2 năm 6 tháng đến 2 năm 9 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 22/4/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự ; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo T bồi thường cho anh H số tiền 2.500.000đ tương đương với 12 bao cám bị thiệt hại và không yêu cầu các bị cáo S, Đ cùng liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản. Số tiền bồi thường được nộp theo biên lai thu tiền số H/2010/0089... ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện V.

Về xử lý vật chứng : Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự ; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu 01 chiếc xe mô tô biển số 28S2-48.. và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng bên trong có lắp sim số 086596... của bị cáo T cho phát mại lấy tiền sung quỹ Nhà nước.

Truy thu 1.900.000đ của bị cáo S và 1.300.000đ của bị cáo Đ sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bị cáo S, Đ phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm; Bị cáo T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định

của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, đồng thời cũng phù hợp với lời khai của bị hại anh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh S, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 1 giờ ngày 08/4/2020, T là người khởi sự, cung cấp phương tiện, xúi dục S và hứa hẹn sẽ mua lại tài sản trộm cắp được. Nên S đã rủ và cùng Đ đến nhà hàng H ở thôn H, xã M, huyện V, tỉnh H lấy được 23 bao cám của anh H có tổng trị giá là 4.761.000đ mang về bán cho T được 3.200.000đ. Sau đó S và Đ đến Công an huyện V đầu thú, còn T bị bắt theo lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan CSĐT- Công an huyện V.

[3]. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng tính chất đồng phạm giản đơn, Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt 23 bao cám của anh H có tổng trị giá là 4.761.000đ là vi phạm pháp luật nhưng cố tình thực hiện. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện V truy tố các bị cáo T, S về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Đ tái phạm nguy hiểm nên bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện V truy tố về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với bị cáo S có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, bị cáo T có nhân thân xấu, bị cáo sáng tái phạm và nhân thân xấu, bị cáo Đ tái phạm nguy hiểm, hành vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân nay lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ các bị cáo coi thường pháp luật. Do vậy việc áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là cần thiết.

[5]. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội bị cáo S, Đ đã ra đầu thú và bị cáo T có bố đẻ là ông Th được nhà nước tặng thưởng Huy chương, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh H nên bị cáo T được áp dụng thêm điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6]. Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người làm ăn lương

thiện, tôn trọng thành quả lao động của người khác, sống có ích cho xã hội, đồng thời cũng có tác dụng dẫn dắt giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo nghề nghiệp không ổn định, kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Bị cáo T tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh H số tiền 2.500.000đ tương đương với 12 bao cám và không yêu cầu các bị cáo S, Đ cùng liên đới bồi thường, anh H nhất trí và không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì thêm nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo T.

[9]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 28S2-48.. bị cáo T cung cấp cho S sử dụng làm phương tiện phạm tội, bị cáo xác định là tài sản của bị cáo bỏ tiền ra mua, cho anh S mượn sử dụng, anh S không phải là chủ sở hữu tài sản, chị D không liên quan gì đến tài sản này. HĐXX xác định đây là tài sản của bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen bị cáo sử dụng liên lạc với bị cáo S để thực hiện hành vi phạm tội nên sẽ tịch thu 01 chiếc xe mô tô biển số 28S2-48.. và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng bên trong có lắp sim số 086596... cho phát mại lấy tiền sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động của S dùng để liên lạc với T, S khai đã làm mất, không biết mất ở đâu, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không cần đặt ra xem xét.

Đối với số tiền 3.200.000đ bị cáo T đưa cho bị cáo S, sau đó bị cáo S chia cho bị cáo Đ 1.300.000đ, bị cáo S còn lại 1.900.000đ xác định đây là số tiền thu lời bất chính nên sẽ truy thu 1.900.000đ của bị cáo S và 1.300.000đ của bị cáo Đ sung quỹ Nhà nước.

[10]. Về án phí: Các bị cáo T, S và Đ phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm, bị cáo T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo T, S và Đ phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Thái.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo S.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ.

Xử phạt bị cáo T 01 (một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam từ ngày 06/5/2020.

Xử phạt bị cáo S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2020.

Xử phạt bị cáo Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; 589 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo T bồi thường cho anh H số tiền 2.500.000đ theo Bên lai thu tiền số H/2010/00 ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện V.

Về xử lý vật chứng : Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự ; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu 01 chiếc xe mô tô biển số 28S2-48.. và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng bên trong có lắp sim số 086596.... của bị cáo T cho phát mại lấy tiền sung quỹ Nhà nước.

Truy thu 1.900.000đ của bị cáo S và 1.300.000đ của bị cáo Đ sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các bị cáo T, S và Đ phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện Văn Lâm;
- T.H.A dân sự huyện V;
- Những người tham gia tố tụng ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Trung

Phạm Văn

